

QUAN HỆ TÌNH DỤC VỢ CHỒNG VÀ MỐI TƯƠNG QUAN CỦA NÓ VỚI SỰ HÀI LÒNG VỀ ĐỜI SỐNG HÔN NHÂN TRONG GIA ĐÌNH Ở NÔNG THÔN HIỆN NAY (QUA KHẢO SÁT TẠI XÃ PHÙ LINH, HUYỆN SÓC SƠN, HÀ NỘI)

Bùi Văn Anh
Viện Tâm lý học.

1. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

- *Khách thể nghiên cứu*: là 370 người dân đang có vợ, có chồng (170 nam, chiếm 45,9%; 200 nữ, chiếm 54,1%) hiện đang sống tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, phần lớn trong số họ làm nghề nông. Những người trong mẫu nghiên cứu thuộc 3 nhóm tuổi: nhóm trẻ gồm những người trong độ tuổi từ 21 đến 39; nhóm trung niên gồm những người trong độ tuổi 39 đến 49; nhóm già gồm những người trong độ tuổi từ 50 trở lên. Những người được hỏi có trình độ học vấn như sau: nhóm 1 gồm những người có học vấn từ lớp 9 trở xuống, nhóm 2 gồm những người có trình độ học vấn từ lớp 10 trở lên.

Bảng 1: Đặc điểm của khách thể nghiên cứu

Giới tính		Lứa tuổi			Trình độ học vấn	
Nam	Nữ	Trẻ	Trung niên	Già	Từ lớp 9 trở xuống	Từ lớp 10 trở lên
170 (45,9%)	200 (54,1%)	135 (36,5%)	145 (39,2%)	90 (24,3%)	221 (59,9%)	148 (40,1%)

- *Phương pháp nghiên cứu*: Điều tra bằng bảng hỏi về các vấn đề liên quan đến đời sống tình dục vợ chồng như: tuổi quan hệ tình dục lần đầu; thời điểm quan hệ tình dục lần đầu; người quan hệ tình dục lần đầu; đánh giá của người trả lời về mức độ hài lòng của họ về đời sống tình dục vợ chồng họ cũng như đánh giá về quan hệ vợ chồng họ hiện nay và mức độ hài lòng về đời sống hôn nhân và mức độ hoà hợp hạnh phúc của gia đình họ. Các ý kiến trả lời được xử lý theo phương pháp thống kê toán học (theo phần mềm SPSS 13.0).

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Tuổi quan hệ tình dục lần đầu

- Kết quả thống kê cho thấy, tuổi quan hệ tình dục (QHTD) lần đầu trung bình là 22,6 tuổi. Trong đó, tỷ lệ cao nhất là QHTD lần đầu trong độ tuổi từ 18 đến 25 tuổi (284 người chiếm 78,2%). QHTD lần đầu từ 26 tuổi trở lên chiếm 17,8%. QHTD lần đầu trước 18 tuổi chỉ có 3,6%. Như vậy tỷ lệ QHTD lần đầu ở tuổi vị thành niên là ít. Tỷ lệ nam giới có QHTD lần đầu trước 18 tuổi là 3 người (chiếm 1,8%); nữ giới 10 người (chiếm 5,1%).

- Tuổi trung bình QHTD lần đầu của nam là xấp xỉ 24 tuổi. Tuổi trung bình QHTD lần đầu của nữ là khoảng 21,5 tuổi.

- So sánh theo các tiêu chí giới tính, lứa tuổi, trình độ học vấn, kết quả cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nam và nữ, giữa những người có trình độ học vấn và giữa các nhóm tuổi về tỷ lệ độ tuổi QHTD lần đầu.

- So sánh theo tiêu chí giới tính, kết quả thống kê cho thấy, nữ có QHTD lần đầu dưới 17 tuổi nhiều hơn nam (chiếm 5,1%); nam: (1,8%). Nữ giới có tỷ lệ QHTDLĐ từ 18 đến 25 tuổi nhiều hơn nam (nữ: 87,7%; nam: 67,3%), nam có tỷ lệ QHTDLĐ từ 26 tuổi trở lên nhiều hơn nữ (nam: 31%; nữ: 7,2%), với $\alpha = 0,00$. Như vậy, nữ giới có QHTD lần đầu sớm hơn nam giới. Kết quả này cũng phù hợp với việc nữ có sự phát triển sinh lý sớm hơn nam.

- So sánh theo trình độ học vấn, kết quả cho thấy những người có trình độ học vấn trên lớp 9 có tỷ lệ QHTDLĐ từ 18 đến 25 tuổi thấp hơn những người có học vấn dưới lớp 9 (học vấn trên lớp 9: 71,7%; học vấn dưới lớp 9: 82,5%), nhưng tỷ lệ QHTDLĐ từ 26 tuổi trở lên của những người có học vấn trên lớp 9 trở lên lại cao hơn những người có học vấn dưới lớp 9 (HV từ lớp 10 trở lên: 24,1%; học vấn từ lớp 9 trở xuống: 14,3%, $\alpha = 0,04$). Có thể việc phải học tập lên các lớp cao hơn cũng là một nguyên nhân khiến những người có học vấn cao kết hôn muộn hơn những người có trình độ học vấn thấp.

- Giữa các nhóm tuổi cũng có sự khác nhau về tỷ lệ QHTDLĐ ở các độ tuổi, nhóm trẻ có tỷ lệ QHTDLĐ từ 18 đến 25 cao hơn nhóm trung niên và già (trẻ: 86,3%; trung niên: 79,7%; già: 64%), nhóm già có tỷ lệ QHTDLĐ từ 26 tuổi trở lên cao hơn nhóm trẻ và trung niên (trẻ: 7,6%; trung niên: 16,8%; già 36%, $\alpha = 0,00$). Có thể trước đây do điều kiện chiến tranh nên những người già kết hôn ở độ tuổi muộn hơn những người trẻ hiện nay. (Xem bảng trang sau).

Tóm lại: Kết quả thống kê cho thấy, ở nông thôn, nữ giới có độ tuổi QHTD lần đầu sớm hơn nam giới. Nhóm trẻ, trình độ học vấn thấp có tỷ lệ QHTD lần đầu từ 18 đến 25 cao hơn nhóm trung niên và già có trình độ học vấn cao.

Bảng 2: Tuổi quan hệ tình dục lần đầu

Tiêu chí Độ tuổi	Theo giới tính			Theo trình độ học vấn			Theo nhóm tuổi				Tổng
	Nam	Nữ	α	Dưới lớp 9	Trên lớp 9	α	Trẻ	Trung niên	Già	α	
1. Từ 17 trở xuống	1.8	5.1	0,00	3.2	4.1	0,04	6.1	3.5	0	0,00	3.6
2. Từ 18 đến 25	67.3	7.7		82.5	71.7		86.3	79.7	64		78.2
3. Từ 26 tuổi trở lên	31	7.2		14.3	24.1		7.6	16.8	36		17.8

2.2. Người quan hệ tình dục lần đầu

- Đa số người được hỏi trả lời có QHTD lần đầu với người vợ/ chồng của họ hiện nay (97,3%). Chỉ có 2,2% cho rằng có quan hệ lần đầu với người yêu; 0,3% là với người quen tình cờ. Không có ai có QHTD lần đầu với gái mại dâm.

2.3. Thời điểm quan hệ tình dục lần đầu với người vợ/ chồng hiện nay (theo %)

- Đa số người được hỏi trả lời họ QHTD lần đầu với vợ/ chồng họ sau kết hôn (93,5%), chỉ có một tỷ lệ nhỏ 5,7% là QHTD lần đầu với người vợ/ chồng hiện nay trước kết hôn (trong đó có 14 nam, 7 nữ). Kết quả cho thấy hành vi tình dục của người nông dân vẫn gắn liền với hôn nhân, quan niệm truyền thống vẫn ảnh hưởng đến suy nghĩ của họ.

2.4. Mức độ hài lòng về đời sống hôn nhân hiện nay và tự đánh giá về gia đình của người trả lời (theo %)

2.4.1. Mức độ hài lòng về đời sống hôn nhân hiện nay

- Hơn một nửa số người được hỏi rất hài lòng về gia đình của họ (54,6%); gần một nửa trả lời phần lớn hài lòng về gia đình mình (41,1%); chỉ có 3,8% trả lời phần lớn không hài lòng và 0,3% (1 người nữ giới) trả lời rất không hài lòng; 1 người khó trả lời về câu hỏi này (nam giới). Kết quả này cho thấy, trong suy nghĩ về gia đình mình, người nông dân Sóc Sơn có thái độ rất lạc quan.

2.4.2. Đánh giá của người trả lời về gia đình của họ

Bảng 3: Đánh giá của người trả lời về gia đình của họ (Số liệu tổng thể)

Các mệnh đề	Đánh giá của NTL	Đồng ý (%)
1. Gia đình tôi là GĐ rất hoà hợp hạnh phúc		44.1
2. Gia đình tôi là GĐ tương đối hoà hợp hạnh phúc		52.4

3. Gia đình tôi không phải là GD hoà hợp hạnh phúc	2.4
4. Khó trả lời	1.1
Tổng	100

Kết quả thống kê ở bảng trên cho thấy, một nửa số người được hỏi trả lời gia đình của họ tương đối hoà hợp hạnh phúc (52,4%), gần một nửa cho rằng gia đình họ rất hoà hợp hạnh phúc (44,1%), chỉ có 2,4% cho rằng gia đình họ không hoà hợp hạnh phúc.

Bảng 4: Đánh giá của nam và nữ về mức độ hoà hợp hạnh phúc của GD họ (BKS: học vấn - theo %)

Tiêu chí so sánh Các mệnh đề	Học vấn	Giới tính		Hệ số α
		Nam	Nữ	
1. GD tôi rất hoà hợp, hạnh phúc	Từ lớp 9 trở xuống	51.2	35.3	0.16
2. GD tôi là GD tương đối hoà hợp hạnh phúc		48.8	60.2	
3. GD tôi không phải là GD hoà hợp, hạnh phúc		0	4.5	
1. GD tôi rất hoà hợp, hạnh phúc	Từ lớp 10 trở lên	50.6	47.6	0.68
2. GD tôi là GD tương đối hoà hợp HP		48.2	49.2	
3. GD tôi không phải là GD hoà hợp, hạnh phúc		1.2	3.2	

- So sánh quan điểm giữa nam và nữ, bằng cách xét tương quan 3 biến (biến giới tính, biến học vấn và biến độ tuổi), sử dụng biến kiểm soát là biến học vấn, kết quả cho thấy, có sự khác biệt trong đánh giá giữa nam và nữ có trình độ học vấn dưới lớp 10 ($\alpha = 0.01$). Cụ thể: tỷ lệ nam cho rằng gia đình mình rất hoà hợp hạnh phúc cao hơn nữ (nam: 51,2%; nữ: 35,3%), tỷ lệ nữ cho rằng gia đình mình chỉ tương đối hoà hợp cao hơn nam (nữ: 65,6%; nam: 48,8%). Cùng với điều này có đến 6 người phụ nữ cho rằng gia đình mình không hoà hợp (chiếm 4,5%), trong khi đó không có nam giới nào cho rằng gia đình mình không hoà hợp. *Kết quả cho thấy, tỷ lệ những người phụ nữ có trình độ học vấn thấp cho rằng gia đình mình không hoà hợp hạnh phúc nhiều hơn nam giới có cùng học vấn.*

2.5. Đánh giá của người nông dân Sóc Sơn về quan hệ vợ chồng họ hiện nay

Bảng 5: Đánh giá của người nông dân Sóc Sơn về quan hệ vợ chồng họ hiện nay (Số liệu tổng thể)

Đánh giá của NTL Các mệnh đề	Không đồng ý (%)	Đồng ý (%)
1. Vợ/chồng tôi có tất cả những phẩm chất mà tôi mong muốn	12.2	87.8
2. Những mối quan tâm chung của tôi luôn được vợ/chồng tôi chia sẻ	10.3	89.7

3. Tôi hài lòng về đời sống tình dục với vợ/ chồng tôi	7.1	92.9
4. Vợ/ chồng tôi không biểu hiện tình cảm với tôi nhiều như tôi mong muốn	59	41
5. Vợ chồng tôi không bao giờ ép buộc tôi trong quan hệ tình dục	19.8	80.2
6. Tôi cảm thấy khó trao đổi thảo luận một việc gì đó quan trọng với vợ/ chồng tôi	77.6	22.4
7. Khi vợ chồng tôi xa nhà, tôi lo lắng vợ/ chồng tôi có thể quan tâm đến người khác	72.7	27.3
8. Vợ/ chồng tôi thường đánh giá thấp những đóng góp của tôi đối với GD	86.4	13.6
9. Vợ/ chồng tôi có thái độ coi thường tôi trong cách ứng xử hàng ngày	91.3	8.7
10. Tôi không kiểm chế được cảm giác ghen tuông của mình khi vợ/ chồng tôi phải có quan hệ công việc với người khác giới	83.2	16.8
11. Tôi thường cảm thấy tức giận với vợ/ chồng tôi mà không biết tại sao	74.1	25.9

- Kết quả thống kê ở bảng 5 cho thấy, phần lớn người được hỏi trả lời vợ/ chồng họ có đầy đủ những phẩm chất mà họ mong muốn (87,8%), hầu hết đều cho rằng những mối quan tâm của họ luôn được vợ/ chồng họ chia sẻ (89,7%), họ cũng rất hài lòng về đời sống tình dục với vợ/ chồng họ hiện nay (92,9%), họ không bị ép buộc trong quan hệ tình dục với vợ/ chồng họ (80,2%). Phần lớn người được hỏi trả lời vợ/ chồng họ không đánh giá thấp đóng góp của họ với GD (chiếm 86,4%), cũng như không coi thường họ trong cách ứng xử hàng ngày (91,3%). *Có thể thấy, hầu hết người nông dân Sóc Sơn hài lòng với đời sống hôn nhân của họ hiện nay, hài lòng với vợ/ chồng họ và hài lòng về đời sống tình dục của vợ/ chồng họ.*

- Về mặt biểu lộ tình cảm với nhau trong cuộc sống hàng ngày: Gần một nửa số người được hỏi cho rằng vợ/ chồng họ không biểu lộ tình cảm với họ như họ mong muốn (41%). Có lẽ đây cũng là một trong những nét tính cách của người Việt Nam, vì người Việt Nam vốn kín đáo nên trong cuộc sống vợ chồng họ ít biểu lộ tình cảm với nhau.

- Về những cảm giác tiêu cực: Gần 1/4 số người được hỏi cho rằng họ cảm thấy khó trao đổi thảo luận một việc gì đó với vợ/ chồng của họ (chiếm 22,4%). 27,3% cho thấy họ có cảm giác lo lắng vợ/ chồng họ có thể quan tâm đến người khác. Có một tỷ lệ không nhỏ những người được hỏi cho rằng họ có cảm giác ghen tuông với vợ/ chồng họ khi vợ/ chồng họ có quan hệ công việc với người khác giới (16,8%). 1/4 trong số người được hỏi cho rằng họ thường cảm thấy tức giận với vợ/ chồng họ mà không biết tại sao (25,9%).